

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH L AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-12-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH L AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Kim Tiến

Bà Nguyễn Thị Rạt

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ Quân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh L An.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh L An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1031/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 195/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thanh L**, sinh năm 1990; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện N, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh V**, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện N, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/8/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm Thanh L trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh V do mai mối và có tự tìm hiểu nhau được khoảng 06 tháng. Sau đó, bà và ông V có tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2009. Sau đó, bà và ông V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Long An vào ngày 10/10/2009 theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc. Đến khoảng năm 2016, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V thường xuyên nhậu nhẹt dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi vã, không có tiếng nói

chung. Từ năm 2016, bà và ông V đã sống ly thân cho đến nay. Bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống cũng ở tại ấp S, xã P, huyện N, tỉnh Long An cách nhà chung của vợ chồng bà khoảng 10m. Bà và ông V cũng ít khi qua lại. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh V.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông V có 01 con chung tên là Nguyễn Phạm Thanh T, sinh ngày 02/10/2009, giới tính: Nam. Do cháu T có nguyện vọng sống chung với ông V nên bà cũng đồng ý cho ông V được quyền nuôi con khi vợ chồng ly hôn.

Về chia tài sản: Bà xác định bà và ông V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông V không có nợ ai.

Bị đơn là ông Nguyễn Thanh V được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà L yêu cầu được ly hôn với ông V, nhưng ông V vẫn vắng mặt không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của bà L.

Vụ kiện đã được Tòa án công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật, nhưng không tiến hành hòa giải được do ông V luôn vắng mặt và bà L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thanh L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh V. Ông V hiện đang cư trú tại ấp S, xã P, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh L An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Phạm Thanh L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là ông Nguyễn Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Phạm Thanh L:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà L và ông V tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 124 quyền số 01/2009 đăng ký

ngày 10/10/2009 do Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh L An cấp, nên xác định hôn nhân giữa bà L và ông V là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà L và ông V đã phát sinh mâu thuẫn với những nguyên nhân do bà L trình bày. Ông V đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà L yêu cầu được ly hôn với ông V tại Tòa án, nhưng ông V vẫn không có ý kiến, luôn vắng mặt, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm giữa bà L và ông V là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc bà L cương quyết ly hôn với ông V là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận xử cho bà L được ly hôn với ông V là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Tại thời điểm xét xử, con chung tên là Nguyễn Phạm Thanh T, sinh ngày 02/10/2009 đã trên 07 tuổi và có ý kiến nguyện vọng sống chung với ông V. Ông V luôn vắng mặt, nên các bên không thể thỏa thuận việc nuôi con chung. Xét thấy, tại phiên tòa, bà L cũng đồng ý để cho ông V được quyền nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con chung, trên ý kiến nguyện vọng của con chung và của bà L, nên cần giao cháu T cho ông V được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do ông V luôn vắng mặt, không thể hiện ý kiến về việc có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hay không? Tại phiên tòa, bà L có ý kiến là không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà L. Do đó, nếu sau này, ông V có tranh chấp về mức cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4.3] Về chia tài sản và nợ chung: Do ông V cố tính vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Bà L không yêu cầu giải quyết về phân tài sản và xác định giữa bà L và ông V không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc bà Phạm Thanh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thanh L về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với ông Nguyễn Thanh V.

1. Về hôn nhân: Cho bà Phạm Thanh L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh V.

2. Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: ông Nguyễn Thanh V được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Phạm Thanh T, sinh ngày 02/10/2009, giới tính: Nam. Bà Phạm Thanh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Phạm Thanh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006347 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh L An. Bà Phạm Thanh L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh L An; *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Tiên Phương